

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK giảm điểm với sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu bất động sản, thép và hóa chất

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm, tương đồng với diễn biến thị trường cơ sở.

[Thông tin doanh nghiệp]

KDC, MSN

[Cập nhật công ty]

VPB, PVD, MBB

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị gia tăng một phần tỷ trọng trading ngắn hạn tại vùng hỗ trợ trong phiên nhưng khống chế tỷ trọng ở mức an toàn.

14/11/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	941.04	-1.41
VN30	936.31	-1.32
HĐTL VN30F1M	932.00	-0.64
HNXIndex	183.45	-3.35
HNX30	280.17	-5.65
UPCoM	66.81	-2.64
USD/VND	24,770	-0.21
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	4.90	-1
Lãi suất qua đêm (%)	4.49	+54
Dầu (WTI, \$)	89.11	+0.17
Vàng (LME, \$)	1,765.25	-0.34



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 941.04 (-1.41%)
KLGD (triệu CP) 666.1 (+10.3%)
GTGD (triệu US\$) 381.5 (-13.9%)

TTCK giảm điểm với sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu bất động sản, thép và hóa chất với thanh khoản thị trường giảm nhẹ. Khối ngoại mua ròng ở STB (+1.6%), HPG (-0.8%), SSI (+1.1%).

HNXIndex 183.45 (-3.35%)
KLGD (triệu CP) 66.2 (-15.0%)
GTGD (triệu US\$) 29.6 (-30.5%)

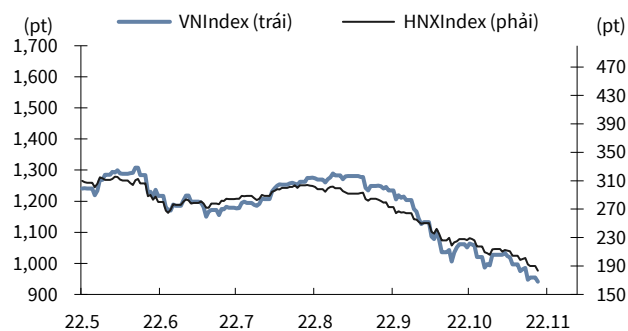
Trung Quốc đưa ra gói tài chính 56 tỷ USD hỗ trợ thị trường bất động sản trong hai tháng cuối năm 2022, bổ sung cho một loạt biện pháp hỗ trợ đã được đưa ra trong thời gian gần đây. Tuy nhiên cổ phiếu bất động sản vẫn giảm giá ở VHM (-0.3%), NLG (-2.3%), DXG (-7.00%) do trong nước chưa có các biện pháp nới lỏng cho thị trường bất động sản.

UPCoM 66.81 (-2.64%)
KLGD (triệu CP) 36.2 (-2.0%)
GTGD (triệu US\$) 14.3 (+22.1%)

3 cảng biển Việt Nam vừa lọt top 100 cảng container hàng hóa lớn nhất thế giới, đó là Hải Phòng, TP Hồ Chí Minh và Cái Mép. Cổ phiếu cảng biển vẫn giảm giá ở GMD (-5.2%), PHP (-2.5%), SGP (-13.1%).

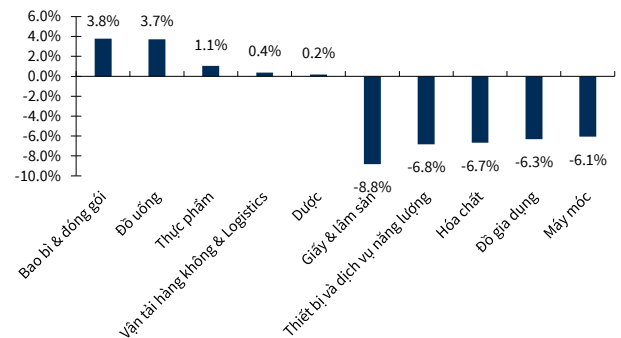
NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +71.6

VNIndex & HNXIndex



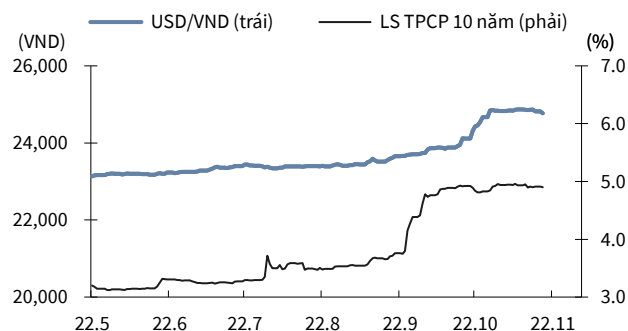
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



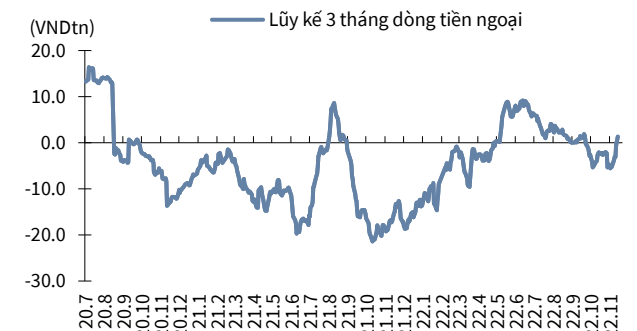
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

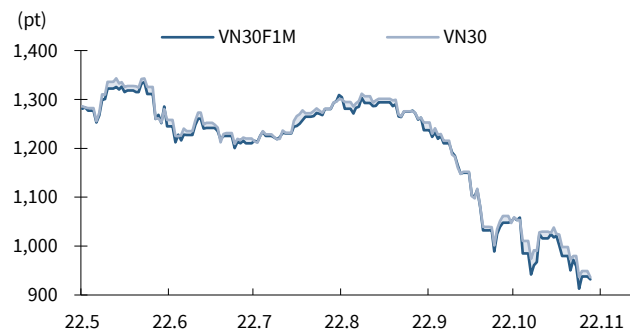
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	936.31 (-1.32%)
VN30F1M	932.0 (-0.64%)
Mở cửa	934.0
Cao nhất	938.0
Thấp nhất	912.7

Các HĐTL giảm điểm, tương đồng với diễn biến thị trường cơ sở. Chênh lệch F2211 và chỉ số VN30 mở cửa ở mức thấp nhất ngày -25.5 điểm, sau đó thu hẹp dần biên độ và biến động giằng co trong biên độ -8.4 và 2.29 điểm, và đóng cửa ở mức -4.3 điểm. Khối lượng giao dịch tăng mạnh.

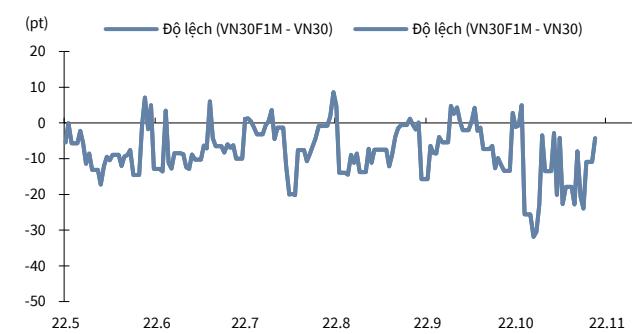
KLGD (HĐ)	601,599 (+11.5%)
------------------	-------------------------

HĐTL VN30F1M & VN30



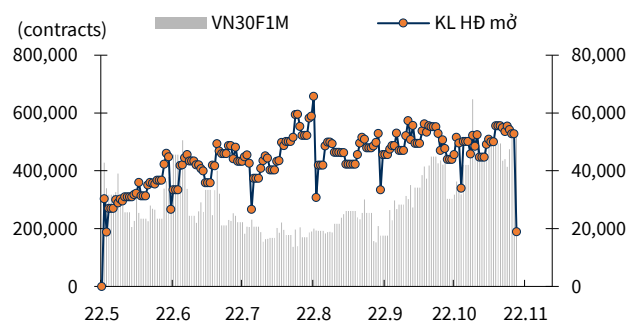
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



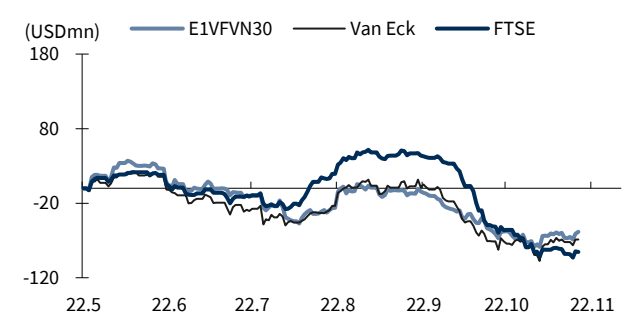
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

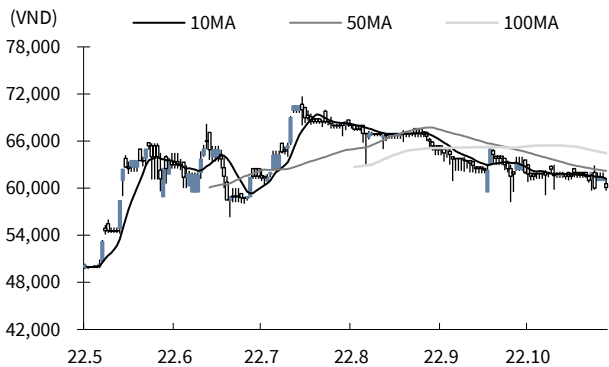
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

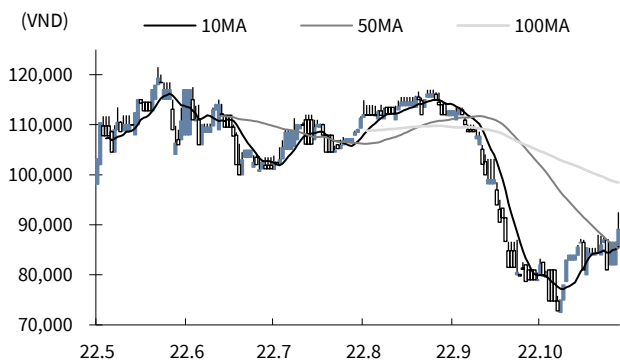
CTCP Tập đoàn KIDO (KDC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- KDC giảm 1.96% xuống 60,100 VND/cp
- Tập Đoàn KIDO thông qua phương án phát hành tối đa 10,064,960 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP), tương đương 3.9% trên số lượng cổ phiếu đang lưu hành. Giá phát hành là 15,000 đồng/cp, thấp hơn 75% giá chốt phiên chiều 10/11 là 60,000 đồng/cp và thấp hơn 42% so với giá trị sổ sách cuối năm 2021 (25,826 đồng/cp).
-
- Cổ phiếu sẽ bị hạn chế chuyển nhượng một năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành. Thời gian thực hiện dự kiến trong quý IV/2022

CTCP Tập đoàn MaSan (MSN)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- MSN tăng 3.01% lên 89,100 VND/cp
- Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) (HSBC Việt Nam) cùng với một số định chế tài chính khác cung cấp cho CTCP Tập đoàn Masan và Công ty TNHH The Sherpa, công ty con trực thuộc Masan, một khoản vay hợp vốn có thời hạn trị giá 600 triệu USD phục vụ cho mục đích đầu tư phát triển doanh nghiệp, hỗ trợ các mục tiêu chiến lược dài hạn của Masan và các mục đích chung của công ty.

11/11/2022

3Q2022, LNTT đạt 4,514 tỷ VND, tăng 67.3% YoY

Nhiều khả năng VPB sẽ không sử dụng hết room tăng trưởng tín dụng được cấp

Kỳ vọng LDR được cải thiện trong 4Q2022 nhờ tăng mạnh lãi suất huy động

Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 22,600 VND/cp

3Q2022, hoạt động cho vay của VPB tăng trưởng mạnh mẽ nhờ mức nền thấp trong 3Q2021 với thu nhập lãi thuần đạt 10,385 tỷ VND (+38.9% YoY, -0.8% QoQ); LNTT 3Q2022 đạt 4,514 tỷ VND (+8.1% QoQ, +67.3% YoY). Lũy kế 9 tháng đầu năm, LNTT đạt 19,837 tỷ VND, tăng 69% YoY.

Mặc dù tổng tăng trưởng dư nợ tối đa cho năm 2022 được cấp cho là 26.2%, cao nhất hệ thống, tuy nhiên theo quan điểm của KBSV, trong 3 tháng cuối năm VPB sẽ thận trọng giải ngân đề cao quản trị rủi ro dựa trên các yếu tố tiêu cực từ các yếu tố vĩ mô, thị trường trái phiếu, bất động sản cùng với mức lãi suất tăng cao sẽ tăng rủi ro phát sinh nợ xấu.

LDR thị trường 1 của VPB đang khá cao, đạt 116% do trong 3Q2022 tiền huy động khách hàng của VPB giảm 6.2% QoQ do ảnh hưởng của cuộc đua tăng lãi suất. Theo quan điểm của KBSV, LDR của VPB sẽ được cải thiện trong 4Q2022 khi mặt bằng lãi suất huy động của VPB đã tăng lên đáng kể để thu hút khách hàng gửi tiền.

Dựa trên kết quả định giá, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các yếu tố rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu VPB. Giá mục tiêu là 22,600 VND/cp, cao hơn 38.7% so với giá tại ngày 11/11/2022.

Mua

Giá mục tiêu	VND 22,600
Tăng/Giảm	38.7%
Giá hiện tại (11/11/2022)	VND 16,300
Giá mục tiêu thị trường	VND 29,298
Vốn hóa thị trường (Tỷ VND)	109,425

Dự phóng KQKD & định giá

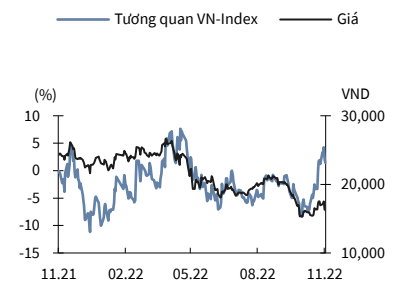
Cuối năm tài chính	2020A	2021A	2022F	2023F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VND)	32,346	34,349	40,263	45,443
LN thuần trước CF DPRRTD (tỷ VND)	27,641	33,583	44,485	44,207
LNST ngân hàng mẹ (tỷ VND)	10,414	11,808	19,309	16,889
EPS (VND)	4,116	2,621	2,863	2,504
Tăng trưởng EPS (%)	26%	-36%	9%	-13%
PER (x)	7.1	11.2	10.3	11.7
Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	20,867	19,187	16,056	18,827
PBR (x)	1.41	1.53	1.83	1.56
ROE (%)	21.9%	16.7%	20.6%	15.9%

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	88.7
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	332/14.1
Sở hữu nước ngoài (%)	17.63
Cơ cấu cổ đông	Composite Capital Master Fund LP (5.0%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	2	-22	-19	-33
Tương đối	11	3	4	1



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

CTCP Khoan & Dịch vụ Khoan Dầu khí (PVD)

Hướng tới năm 2023 tích cực hơn

Chuyên viên phân tích – Tiêu Phan Thanh Quang
quangtpt@kbsec.com.vn

14/11/2022

Doanh thu Q3/2022 tăng 23% YoY nhưng LNST vẫn ghi nhận kết quả âm

Doanh thu Quý 3/2022 của PVD tăng mạnh đạt 1,242 tỷ VNĐ (+23% YoY) nhờ vào sự phục hồi của mảng kinh doanh cốt lõi là mảng khoan đạt doanh thu 813 tỷ VNĐ (+84% YoY), bù đắp sự sụt giảm của các mảng dịch vụ kỹ thuật và thương mại. Tuy nhiên, chi phí tài chính của PVD tăng mạnh (+103% YoY) do: (1) Chi phí lãi vay tăng mạnh, (2) Lỗ tỷ giá gấp 6 lần so với cùng kì. Những yếu tố này kết hợp đã khiến cho lợi nhuận của PVD tiếp tục ghi nhận kết quả âm quý thứ 3 liên tiếp, đạt -52 tỷ VNĐ so với cùng kì đạt 56 tỷ VNĐ.

Hiệu suất sử dụng giàn khoan của PVD sẽ tăng trong 2H2022 và cả năm 2023

Chúng tôi dự báo số giàn khoan trung bình của PVD trong năm 2022 và 2023 sẽ lần lượt đạt 5.93 giàn và 6.35 giàn nhờ vào các yếu tố tích cực từ ngành cũng như sự đóng góp từ giàn TAD sau 6 năm không có việc. Theo đó, hiệu suất sử dụng giàn tự nâng của PVD cũng sẽ cao hơn, đạt 95% trong năm 2023 so với 90% của năm 2022, theo dự phóng của chúng tôi.

Triển vọng giá cước cho thuê giàn tích cực hơn trong giai đoạn tới

Chúng tôi kì vọng rằng khu vực Đông Nam Á - thị trường chính của PVD hiện tại sẽ tiếp tục có sự hồi phục trong hoạt động E&P nhờ vào giá dầu ở mức thuận lợi và cao hơn nhiều so với mức giá hoà vốn tại các quốc gia. Dữ liệu từ IHS Markit cho thấy, giá thuê trung bình giàn tự nâng ở khu vực Đông Nam Á đang phục hồi mạnh mẽ lên mức trên 90,000 USD/ngày. KBSV dự báo giá thuê ngày giàn khoan tự nâng của PVD trong năm 2022 đạt trung bình 63,900 USD/ngày (+13% YoY) và năm 2023 đạt trung bình 75,300 USD/ngày (+18% YoY).

Khuyến nghị MUA với giá mục tiêu 19,800 VNĐ/cổ phiếu

Chúng tôi sử dụng phương pháp chiết khấu dòng tiền của doanh nghiệp (FCFF) và P/B với tỷ lệ 50% cho mỗi phương pháp để đưa ra khuyến nghị MUA cho PVD với mức giá mục tiêu là 19,800VNĐ/cổ phiếu, tương đương với upside 44.5% so với giá đóng cửa 13,700 VNĐ/cổ phiếu ngày 14/11/2022.

Mua

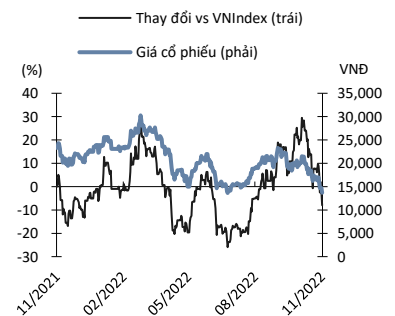
Giá mục tiêu	VND 19,800
Tăng/giảm (%)	44.5%
Giá hiện tại (14/11/2022)	VND13,700
Giá mục tiêu thị trường	VND24,100
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	7,622

Dữ liệu giao dịch	
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	47.7%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VNĐ)	204.80
Sở hữu nước ngoài (%)	33.6%
Cổ đông lớn	PetroVietnam (50.46%)

Biến động giá cổ phiếu				
(%)	1M	3M	6M	12M
PVD	-25.0	-22.2	-2.0	-36.8
VNINDEX	-17.4	2.9	21.4	-2.4

Dự phóng KQKD & định giá

Năm tài chính	2020A	2021A	2022F	2023F
Doanh thu (tỷ VNĐ)	5,229	3,996	5,249	6,693
EBIT	2	-28	38	586
LN sau CĐTS	186	20	-185	421
EPS (VNĐ)	282	-36	-378	757
Thay đổi EPS (%)	-7.2	-112.8	950.0	-300.0
P/E (x)	43.5	-623.9	-52.4	26.2
EV/EBITDA (x)	17.0	24.7	13.8	7.5
P/B (x)	0.4	0.7	0.8	0.7
ROE (%)	1.3	0.3	-1.2	2.6
Tỷ suất cổ tức (%)	0.1	0.0	0.0	0.0



Nguồn: Bloomberg, KBSV

14/11/2022

3Q2022, LNTT tăng 61.5%YoY, đạt 6,296 tỷ VND.

MBB ghi nhận thu nhập lãi thuần quý 3 đạt 9,039 tỷ VND (+4.5%QoQ và +36.0%YoY), thu nhập ngoài lãi đạt 1,946 tỷ VND (-13.6%QoQ và -10.9%YoY). Chi phí dự phòng rủi ro đạt 962 tỷ VND, giảm mạnh 45.9% so với cùng kỳ. Tương tự quý trước, nhờ cắt giảm chi phí dự phòng mà lợi nhuận trước thuế quý 3 tăng mạnh 61.5%YoY, đạt 6,296 tỷ VND. Lũy kế LNTT 9T đạt 18,193 tỷ VND (+53.1%YoY).

NIM 3Q2022 cải thiện nhẹ 0.02 điểm % so với quý 2, đạt 5.97%

Lợi suất đầu ra bình quân 3Q2022 đạt 8.61%, tăng 0.33 điểm % QoQ với đóng góp chính đến cho vay liên ngân hàng (x2.97 QoQ). Lãi suất bình quân đầu vào quý 3 tăng chậm hơn, khoảng 0.31 điểm %QoQ. Từ đó, NIM quý 3 vẫn tăng nhẹ khoảng 0.02 điểm % so với quý 2, đạt 5.97%

Hoạt động cho vay duy trì tăng trưởng tốt trong khi tiền gửi giảm

Nhờ room tín dụng được cấp mới mà MBB có thể đẩy mạnh cho vay trong quý 3. Cụ thể, dư nợ cho vay khách hàng đạt 426 nghìn tỷ VND, tăng 17.2% so với đầu năm; danh mục trái phiếu doanh nghiệp giảm nhẹ trong quý 3 nhưng vẫn tăng 16%YTD. Tổng nguồn vốn huy động đạt 542 nghìn tỷ VND (+6.1%YTD). Huy động từ giấy tờ có giá tăng 52.2%YTD bù đắp cho tiền gửi khách hàng giảm nhẹ 2%YTD.

Tỷ lệ nợ xấu giảm về còn 1% vào cuối quý 3

Tỷ lệ nợ xấu hợp nhất giảm về mức 1%, nợ xấu ngân hàng mẹ là 0.9%. Tỷ lệ bao phủ nợ xấu dù giảm xuống 207.7% nhưng vẫn thuộc top đầu ngành. Số dư nợ tái cơ cấu tính đến cuối quý 3 còn khoảng 2.2 nghìn tỷ VND (-33.3%QoQ).

Ngân hàng số tiếp tục ghi nhận tăng trưởng ấn tượng

Chỉ trong quý 3, MBB đã thu hút được thêm 3 triệu người dùng mới App & Biz mới, gấp đôi so với cùng kỳ năm trước, đưa tổng khách hàng sử dụng ngân hàng số lên 18 triệu người dùng. Số lượng giao dịch trên kênh số vào quý 3 đạt 812 triệu giao dịch, tăng gấp 3.6 lần YoY và chiếm tới 94% các giao dịch tại MBB. Giá trị giao dịch trong quý 3 đạt 7.8 triệu tỷ đồng, gấp 2.7 lần YoY.

Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 22,000 VND/cp

Sử dụng 2 phương pháp định giá P/B và Chiết khấu lợi nhuận thặng dư, chúng tôi đưa ra mức giá mục tiêu 1 năm của cổ phiếu MBB là 22,000 VND/cp, cao hơn 45% so với giá tại ngày 14/11/2022. Khuyến nghị MUA.

MUA

Giá mục tiêu	VND 22,000
Tăng/giảm	45.0%
Giá hiện tại (10/11/2022)	16,000
Giá mục tiêu thị trường	32,267
Vốn hóa thị trường (tỷ VND)	101,070

Dự phóng KQKD & định giá

Cuối năm tài chính	2020A	2021A	2022F	2023F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VND)	20,278	26,200	35,448	44,489
LN trước CF DPRRTD (tỷ VND)	16,807	24,557	30,206	38,720
LNST ngân hàng mẹ (tỷ VND)	8,263	12,697	18,661	24,509
EPS	2,993	3,362	3,951	4,324
Tăng trưởng EPS (%)	-16.8%	12.3%	17.5%	9.4%
PER (x)	8.95	9.71	5.58	5.10
Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	17,463	16,150	18,844	18,738
PBR (x)	1.53	2.02	1.17	1.18
ROE (%)	19.1%	23.5%	25.4%	25.7%
Tỷ lệ cổ tức (%)	18%	35%	25%	20%

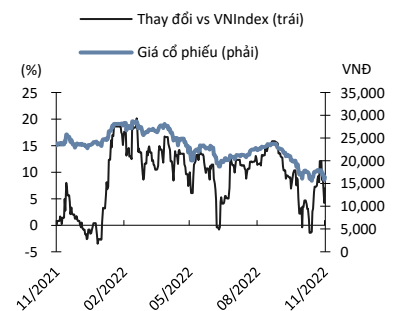
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	58.9%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND)	196.50
Sở hữu nước ngoài (%)	23.24%
Cơ cấu cổ đông	Viettel (18.5%) SCIC (9.42%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	2.5	-26.3	-28.2	-30.9
Tương đối	7.4	-4.0	-2.7	6.1



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau nhịp mở gap giảm điểm đầu phiên, VNIndex hồi phục giảm co và lấy lại một phần điểm số đã mất vào cuối phiên.
- Dòng tiền bắt đáy gia tăng ở một số mã cổ phiếu vốn hoá lớn quanh vùng hỗ trợ sâu 920 (+5) đã giúp cho chỉ số thu hẹp đà giảm điểm trong phiên. Mặc dù vậy, với xu hướng giảm điểm trong trung hạn vẫn đóng vai trò chủ đạo, VNIndex nhiều khả năng sẽ tiếp tục trải qua các nhịp điều chỉnh trong những phiên tiếp theo trước khi thiết lập một mặt bằng giá vững chắc hơn.
- NĐT được khuyến nghị gia tăng một phần tỷ trọng trading ngắn hạn tại vùng hỗ trợ trong phiên nhưng khống chế tỷ trọng ở mức an toàn.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 963 - 967

Kháng cự gần: 942 - 946

Hỗ trợ gần: 917 - 921

Hỗ trợ xa: 900 - 906

- V#FTMBulletBodySau nhịp mở gap giảm điểm đầu phiên, F1 hồi phục giằng co và lấy lại một phần điểm số đã mất vào cuối phiên.
- Vùng đáy ngắn hạn quanh 905-910 đã cho phản ứng và giúp cho chỉ số thu hẹp đà giảm điểm trong phiên. Mặc dù vậy, với xu hướng giảm điểm trong trung hạn vẫn đóng vai trò chủ đạo, F1 nhiều khả năng sẽ tiếp tục trải qua các nhịp điều chỉnh trong những phiên tiếp theo trước khi thiết lập một mặt bằng giá vững chắc hơn.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading hai chiều, SHORT tại kháng cự, LONG tại hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Ưu tiên mở SHORT quanh ngưỡng các ngưỡng kháng cự.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

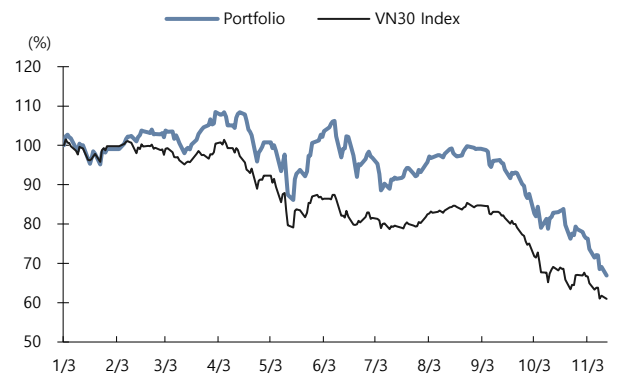
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-1.32%	-3.15%
Tăng lũy kế (YTD)	-39.03%	-33.10%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 14/11/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	40,650	-5.5%	5.2%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa DMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Binh Son Refinery (BSR)	30/06/2022	13,200	-12.0%	-53.7%	- Crack spread sẽ tiếp tục được duy trì ở mức cao - Dự án nâng cấp nhà máy đang được xem xét lại phương án đầu tư
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	96,600	-0.6%	26.0%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	101,000	-12.6%	-47.4%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	68,600	-0.9%	132.0%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	70,800	-2.7%	191.8%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	23,900	1.3%	26.4%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	113,800	-0.1%	55.0%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	12,200	-0.8%	9.6%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	14,950	2.4%	45.5%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
STB	1.6%	20.1%	336.6
HPG	-0.8%	18.5%	168.4
SSI	1.1%	34.4%	155.3
KBC	2.4%	15.1%	133.1
VND	5.6%	15.5%	106.7

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
E1VFN30	4.0%	91.8%	-46.5
FUESSVFL	-4.0%	95.4%	-22.0
KDC	-2.0%	28.5%	15.9
FPT	-2.8%	49.0%	5.6
VSC	-1.3%	4.8%	5.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVS	-8.7%	14.7%	57.1
IDC	-9.9%	0.4%	5.0
TNG	-8.6%	4.8%	4.8
VCS	-4.7%	3.0%	0.8
BAX	0.0%	17.2%	0.4

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HAT	-5.6%	6.9%	-1.2
IDV	-9.9%	19.6%	-0.2
DAD	-5.8%	0.0%	-0.0
TKC	-8.8%	0.0%	-0.0
DP3	-1.1%	0.9%	-0.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bao bì & đóng gói	10.4%	TDP, SVI, MCP, TPC
Đồ uống	5.9%	SAB, BHN, SMB, SCD
Ngân hàng	2.1%	VCB, BID, VPB, TCB
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	1.4%	TNH, JVC, VMD
Hàng dệt, may & hàng xa xỉ	1.2%	PNJ, TCM, MSH, GIL

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Giấy & lâm sản	-26.4%	DHC, HAP, HHP, VID
Cung cấp và dịch vụ thương mại	-15.1%	TLG, ILB, APC, ST8
Xây dựng và kỹ thuật	-14.9%	DIG, HDG, VCG, PC1
Hóa chất	-13.7%	GVR, DGC, DPM, DCM
Thương mại & phân phối	-13.4%	VPG, TSC, BTT, TNA

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ngân hàng	14.9%	VCB, BID, VPB, TCB
Thực phẩm	9.1%	VNM, MSN, KDC, VHC
Tiện ích khí	7.2%	GAS, PGD, PMG
Đồ uống	6.2%	SAB, BHN, SMB, SCD
Vận tải hàng không & Logistics	3.1%	TMS, SCS, STG, ASG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ngành chưa phân loại	-33.9%	CKG, PSH, NHH, ABS
Giấy & lâm sản	-31.9%	DHC, HAP, HHP, VID
Máy móc	-31.4%	TCH, HHS, SRF, SHA
Sản phẩm xây dựng	-31.3%	VGC, BMP, SHI, DAG
Xây dựng và kỹ thuật	-31.3%	DIG, HDG, VCG, PC1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND tỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)			ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	72,879 (2.9)	22.5	22.4	20.9	14.7	8.8	9.2	2.0	1.8	1.3	3.0	-7.9	-42.2
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	155,573 (6.3)	26.6	6.2	5.2	35.9	22.6	21.9	1.3	1.1	-0.3	0.2	15.2	-46.3
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	34,379 (1.4)	17.8	23.2	15.8	-7.6	7.8	10.6	1.8	1.7	0.2	-0.6	0.6	-15.8
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	86,698 (3.5)	31.3	13.8	11.6	6.7	14.1	15.2	1.9	1.7	-6.9	-	48.8	-57.2
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	44,729 (1.8)	11.6	10.2	9.8	13.7	13.0	12.4	1.2	1.1	0.5	1.8	23.4	-56.2
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	105,975 (4.3)	13.9	5.9	4.7	-	10.4	11.5	0.5	0.4	-7.0	-	44.4	-73.8
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	82,015 (3.3)	6.3	13.3	11.3	11.7	22.0	22.0	2.6	2.2	-0.5	4.6	10.3	-4.7
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	61,193 (2.5)	12.7	12.6	10.1	-5.3	17.4	18.5	1.8	1.5	-0.3	7.8	8.8	-3.2
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	169,608 (6.8)	0.0	3.6	3.2	14.3	20.9	19.5	0.7	0.6	-2.6	-6.5	13.6	-55.6
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	171,936 (6.9)	1.4	6.4	5.5	50.3	18.5	19.6	1.1	1.0	1.3	2.4	5.3	-29.5
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	259,054 (10.4)	0.0	5.7	5.6	18.8	19.7	16.9	1.0	0.8	-3.7	-8.2	-2.8	-34.2
	MBB	MILITARY COMMERC	16,173	73,327 (3,187)	212,762 (8.6)	0.0	4.0	3.4	14.6	24.5	22.9	0.8	0.7	-5.0	10.3	14.6	-36.9
	HDB	HDBANK	16,320	40,641 (1,766)	43,638 (1.8)	4.2	4.7	4.1	23.3	23.1	21.6	1.0	0.8	-1.4	1.7	14.1	-40.8
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	377,272 (15.2)	14.0	7.4	2.5	26.5	12.5	24.9	0.8	0.6	1.6	2.3	10.2	-49.7
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	69,495 (2.8)	0.0	5.1	4.0	37.4	21.6	21.5	1.0	0.8	-1.0	-2.0	-4.4	-52.0
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	47,981 (1.9)	0.2	10.5	9.0	27.3	16.0	16.2	1.4	1.2	-6.8	26.0	39.0	-33.2
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	37,253 (1.5)	21.0	16.6	13.5	15.8	9.9	11.5	1.5	1.5	-2.9	-2.7	-6.1	-15.0
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	5,530 (0.2)	14.2	8.9	8.0	9.1	12.8	13.6	1.0	0.9	-0.8	12.5	21.4	-59.1
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	283,744 (11.5)	55.4	8.6	7.8	-3.2	15.2	13.1	-	-	1.1	-0.3	20.4	-70.7
	VCI	VIET CAPITAL SEC	21,154	9,108 (396)	175,957 (7.1)	71.9	-	-	-4.0	22.7	20.9	-	-	-6.9	18.5	31.2	-66.1
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	112,624 (4.5)	52.4	-	-	-19.0	16.9	15.9	-	-	-6.2	14.2	18.3	-63.6
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	264,046 (10.7)	27.2	-	-	36.3	27.0	25.6	-	-	5.6	-1.0	28.6	-68.9
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	161,678 (6.5)	42.1	19.1	17.1	4.0	27.2	29.5	4.8	4.6	0.8	-3.9	6.8	-8.6
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	29,878 (1.2)	36.9	25.0	21.7	7.3	22.4	22.9	5.2	4.6	3.8	6.0	3.5	29.1
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	106,923 (4.3)	16.5	23.5	16.8	-51.9	14.5	17.6	3.3	2.8	3.0	5.4	12.8	-37.5
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	17,707 (0.7)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	0.3	2.0	16.5	-67.3
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	21,644 (0.9)	11.0	43.1	27.3	-88.5	7.5	16.4	-	-	0.6	1.7	-6.5	-20.6
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	37,980 (1.5)	10.8	13.3	13.0	-57.0	13.4	13.5	1.8	1.7	-5.2	12.3	11.9	-11.2
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	64,864 (2.6)	38.4	4.0	21.3	65.7	14.3	2.4	0.5	0.5	-6.9	18.1	33.6	-75.1
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	150,132 (6.1)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	0.9	2.7	22.7	-71.5
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	19,515 (0.8)	3.6	24.6	4.9	-52.4	1.0	4.8	-	-	-6.9	26.2	41.8	-75.3
	REE	REE	51,826	18,419 (800)	45,197 (1.8)	0.0	9.6	9.5	-4.5	16.4	15.3	1.4	1.2	-0.9	0.1	11.3	14.2

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)				
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD	
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	38,056 (1.5)	46.1	15.6	16.7	-17.5	24.6	20.9	3.8	3.4	-0.1	0.8	3.6	18.3	
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	31,030 (1.3)	31.4	8.5	8.3	-10.5	18.4	17.5	1.4	1.3	-0.4	2.2	-	13.8	-13.1
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	1,089 (0.0)	34.1	14.1	6.4	-5.1	4.7	9.9	0.8	0.7	-2.4	10.5	21.4	-	-50.3
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	590,705 (23.8)	18.0	3.2	2.8	21.9	21.4	20.5	0.6	0.6	-0.8	10.9	-	-	-65.8
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	114,200 (4.6)	36.5	3.1	4.6	-0.5	40.1	23.5	1.1	1.0	-6.8	-9.3	21.9	-	-25.8
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	140,185 (5.7)	46.5	4.1	6.2	-4.5	41.5	22.9	1.5	1.3	-6.8	-8.4	17.7	-	-27.7
	HSG	HOA SEN GROUP	18,864	11,063 (481)	144,165 (5.8)	38.9	3.2	2.7	67.9	11.8	12.9	0.3	0.3	-5.6	26.1	45.9	-	-75.5
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	18,728 (0.8)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-6.0	11.1	26.2	-	-69.8
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	25,948 (1.0)	4.6	17.6	9.6	-51.0	6.3	11.7	1.1	1.7	-2.6	-8.1	21.4	-	-50.8
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	160,155 (6.5)	39.9	212.7	13.1	-11.9	0.3	4.2	0.5	0.5	-6.8	16.2	31.8	-	-39.0
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	27,856 (1.1)	35.9	6.2	5.8	2.2	14.6	14.4	0.9	0.7	-6.9	-7.4	17.7	-	-35.5
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	160,845 (6.5)	0.0	10.7	7.8	14.4	24.5	28.2	2.0	1.6	-5.5	-5.1	32.1	-	-40.2
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	29,685 (1.2)	0.0	13.3	11.5	2.4	24.4	21.8	2.7	2.3	-0.6	1.2	-8.1	0.4	
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	1,761 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-6.5	29.9	55.1	-	-72.4
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	139,076 (5.6)	30.3	14.3	11.5	-75.2	27.8	25.6	3.3	2.6	-7.0	-9.8	17.7	-	-3.9
Chăm sóc sức khỏe	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	25,171 (1.0)	34.6	5.8	4.9	41.2	29.6	25.2	1.4	1.2	-7.0	-6.6	24.8	-	-50.4
	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,095 (0.0)	45.4	12.6	11.8	10.7	21.5	20.8	-	-	1.2	-1.6	-1.1	-	-27.1
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	83,200 (3.4)	0.0	14.3	11.8	15.5	28.4	29.2	3.7	3.2	-2.7	-2.5	-4.3	-	-8.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu – Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Chuyên viên cao cấp
tungna@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy – Chuyên viên phân tích
huynd1@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuann@kbsec.com.vn

Dầu khí & Tiện ích

Tiêu Phan Thanh Quang – Chuyên viên phân tích
quangtpt@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Lê Hạnh Quyên – Chuyên viên phân tích
quyenlh@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư, Hóa chất

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích
congth@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư, Thủy sản & Dệt may

Trần Thị Phương Anh – Chuyên viên phân tích
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.